

CÔNG TY TNHH SKYGO GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SKYGO GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SKYGO GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SKYGO GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110859429

3. Ngày thành lập: 10/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 8, C8, Khu tập thể Học viện Quân Y, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913040709

Fax:

Email: skygogroup.com@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791(Chính)
2.	In ấn	1811
3.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
4.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
5.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
6.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
7.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
8.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ: Đấu giá hàng hóa)	4610
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn thực phẩm	4632

13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác;	4719
18.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
19.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
20.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
21.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
22.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
23.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
24.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
25.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
26.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
27.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
28.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh)	4773
29.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774

30.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; Điều 7, 8 NĐ 10/2020/NĐ-CP	4932
31.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Điều 9 NĐ 10/2020/NĐ-CP	4933
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, vé tàu, vé xe ô tô.	5229
33.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
35.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền;	5629
36.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; Hoạt động của xe bán rong đồ uống;	5630
37.	Xuất bản phần mềm	5820
38.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;	5911
39.	Hoạt động hậu kỳ	5912
40.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax giá tăng giá trị; Dịch vụ truy nhập Internet. - Đại lý dịch vụ viễn thông Điều 11 NĐ 25/2011/NĐ-CP	6190
41.	Lập trình máy vi tính	6201
42.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
43.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
44.	Cổng thông tin	6312
45.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm cho thuê hạ tầng mạng)	6311
46.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
47.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán (Loại trừ: môi giới chứng khoán)	6612
48.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619

49.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
50.	Quảng cáo	7310
51.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
52.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
53.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ; Tư vấn về môi trường; Hoạt động phiên dịch; Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); Hoạt động môi giới thương mại (loại trừ: môi giới bất động sản; môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm); Tư vấn về công nghệ khác; Luật chuyển giao công nghệ	7490
54.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
55.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
56.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
57.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
58.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
59.	Đại lý du lịch	7911
60.	Điều hành tua du lịch	7912
61.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
62.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
63.	Dịch vụ đóng gói	8292
64.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
65.	Đào tạo sơ cấp	8531
66.	Đào tạo trung cấp	8532
67.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
68.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
69.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ: Dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
70.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
71.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
72.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
73.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
74.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
75.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
76.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ QUỐC HOÀN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 03/01/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025080000976

Ngày cấp: 15/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Căn hộ A2403 - Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ A2403 - Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ QUỐC HOÀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/01/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025080000976

Ngày cấp: 15/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Căn hộ A2403 – Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ A2403 – Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội